

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 6 - 2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Anh Dũng;

Ông Bùi Đức Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Trung Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đăng T, sinh năm 1990;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện nay: 408 Village House H, 745 Y, thành phố H, tỉnh Saitama, Nhật Bản.

Số định danh cá nhân 034090007924.

Số hộ chiếu C4673357 do Cục Q cấp ngày 07/3/2018.

Bị đơn: Chị Đào Thị Hồng N, sinh năm 1990;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ H, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện nay: 671-9 H, Minami-ku, thành phố O, tỉnh Okayama, 7, Nhật Bản.

Số định danh cá nhân 034190008979.

Số hộ chiếu C9907835 do Cục Q cấp ngày 20/02/2022.

(Anh T, chị N vắng mặt, đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:** Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/02/2025 và Bản tự khai của nguyên đơn anh Nguyễn Đăng T yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân với chị Đào Thị Hồng N và trình bày như sau:

Anh và chị Đào Thị Hồng N tự nguyện tìm hiểu và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 18/4/2016. Thời gian đầu hôn nhân, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 8 năm 2019, anh đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, mâu thuẫn chồng phát sinh sau đó 01 năm do hay xảy ra tranh cãi khiến tình cảm vợ chồng không còn như trước. Dù đã nhiều lần vợ chồng tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Tháng 4 năm 2024, chị N cũng đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Vợ chồng anh sống ly thân mỗi người một nơi cho đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Bảo A, sinh ngày 04/11/2016 đang ở với ông bà ngoại là ông Đào Văn N1, sinh năm 1961 và bà Trần Thị Đ, sinh năm 1967, địa chỉ: Tổ A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con Bảo A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho ông N1 và bà Đ cho đến khi chị N về Việt Nam. Về cấp dưỡng: Anh không cần phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

*** Bị đơn - chị Đào Thị Hồng N trình bày như sau:**

Chị và anh Nguyễn Đăng T tự nguyện tìm hiểu và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 18/4/2016. Đến tháng 8 năm 2019, anh T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Khoảng một năm sau khi anh sang Nhật Bản thì vợ chồng chị có xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi với nhau khiến tình cảm vợ chồng không còn như trước dù đã cố gắng hàn gắn. Đến tháng 4 năm 2024, chị cũng đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Kể từ đó đến nay, vợ chồng chị sống ly thân mỗi người một nơi và không còn tình cảm với nhau nữa. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được, không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc, vun đắp cho gia đình, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài nên khi biết anh T nộp hồ sơ khởi kiện xin ly hôn đến Tòa án, chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Bảo A, sinh ngày 04/11/2016. Hiện nay, con Bảo A đang ở với bố mẹ đẻ của chị là ông Đào Văn N1, sinh năm 1961 và bà Trần Thị Đ, sinh năm 1967, địa chỉ: Tổ A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con Bảo A cho chị trực tiếp nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho ông N1 và bà Đ cho đến khi chị về Việt Nam.

Về cấp dưỡng: Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị N đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

*** Ông Đào Văn N1, sinh năm 1961, địa chỉ: Tổ A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình (bố đẻ của chị N) trình bày:**

Anh T và chị N có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Bảo A, sinh ngày 04/11/2016. Hiện nay, cháu Bảo A đang ở với vợ chồng ông bà tại địa chỉ Tổ A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Do chị N đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản nên nếu chị N và anh T ly hôn, ông đồng ý nhận ủy quyền của chị N chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bảo A trong thời gian chị N ở nước ngoài cho đến khi chị N về nước. Ông không yêu cầu chị N thanh toán cho ông khoản chi phí nào.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh Nguyễn Đăng T ly hôn chị Đào Thị Hồng N. Về quan hệ con chung: Đề nghị áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao con chung Nguyễn Hoàng Bảo A, sinh ngày 04/11/2016 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Chấp nhận việc ông Đào Văn N1 thay chị N chăm sóc con Bảo A trong thời gian chị N ở nước ngoài. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra

giải quyết. Anh T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án theo thủ tục chung, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn như cung cấp bản tự khai, cung cấp các chứng cứ chứng minh và có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải, đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án, cung cấp bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt cho Tòa án. Các đương sự đều đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn thì thấy:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Đăng T và chị Đào Thị Hồng N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 18/4/2016 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T, chị N đã có thời gian chung sống hạnh phúc và đã có một con chung rồi mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh T là do năm 2019 anh đi lao động ở nước ngoài được một năm thì giữa vợ chồng xảy ra cãi vã vì bất đồng về quan điểm sống, hạnh phúc vợ chồng không còn được như trước. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên căng thẳng hơn khi chị N cũng đi nước ngoài, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay. Chị N cũng thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Hai bên đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả đến mức anh T làm đơn xin ly hôn thì chị N đồng ý. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do anh T và chị N đều ở Nhật Bản, không thể đến Tòa án để tham gia hòa giải và thỏa thuận ly hôn nên Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh T, xử cho anh T ly hôn chị N là phù hợp với quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh T, chị N có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Bảo A, sinh ngày 04/11/2016. Hiện nay, con Bảo A đang ở với bố

mẹ đẻ chị N là ông Đào Văn N1, sinh năm 1961 và bà Trần Thị Đ, sinh năm 1967, địa chỉ: Tổ A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T đề nghị Tòa án giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thực tế, con Bảo A đang ở cùng với bố mẹ đẻ chị N, có nguyện vọng được ở cùng với chị N và ông, bà ngoại. Ông Đào Văn N1 (bố đẻ chị N) đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng con Bảo A giúp chị N trong thời gian chị N đi lao động ở nước ngoài. Để đảm bảo ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung, xem xét đến nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao con Bảo A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị N không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng và tiền cấp dưỡng nuôi con chung được giải quyết khi các bên đương sự có đơn yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đăng T được ly hôn chị Đào Thị Hồng N.

[2] Về quan hệ con chung: Xử giao con chung Nguyễn Hoàng Bảo A sinh ngày 04/11/2016 cho chị Đào Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị N ủy quyền cho bố đẻ là ông Đào Văn N1, sinh năm 1961, địa chỉ: Tổ A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình chăm sóc, nuôi dưỡng con Bảo An đến khi chị N về Việt Nam.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Anh T, chị N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

[3] Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Đăng T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0000480 ngày 27 tháng 3 năm 2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Đăng T, chị Đào Thị Hồng N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Hành chính tư pháp./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thúy Hoàn